

TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

Anh Văn 6 – TUẦN 7 (18/10/2021 đến 22/10/2021)

Hoạt động 1: Đọc Unit 2 và thực hiện các yêu cầu	
NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Nội dung 1: Từ vựng (Trang 24-25)	<u>Adverbs of frequency (Các trạng từ chỉ tần suất)</u> 1/ sometimes: thỉnh thoảng 2/ never: không bao giờ 3/ always: luôn luôn 4/ usually: thường xuyên 5/ often: thông thường 6/ normally: bình thường
Nội dung 2: Đọc hiểu (Trang 26)	<u>1/ Cách đoán nghĩa của từ:</u> <u>Bước 1:</u> Nhìn vào bối cảnh <u>Bước 2:</u> Đọc lướt bài đọc để tìm hiểu nghĩa của từ từ ngữ cảnh và các câu khác trong bài đọc <u>2/ Từ vựng:</u> - grandchildren (n): cháu - organized (a): sắp đặt
NỘI DUNG	HỌC SINH TRẢ LỜI
Nội dung 1: Từ vựng (Trang 24-25)	Bài tập 4 trang 24: Em hãy điền vào chỗ trống các trạng từ chỉ tần suất thích hợp: 1. My works _____ starts early. → sometimes 2. I _____ have breakfast. → always 3. I'm _____ late for school. → often Bài tập trang 25: Em hãy viết về những thói quen hàng ngày của em (tham khảo sách giáo khoa trang 25)
Nội dung 2: Đọc hiểu (Trang 26)	Bài tập 2: Em hãy đọc bài đọc trang 26 lần nữa và gạch dưới đáp án đúng cho các câu dưới đây: 1. Noel has breakfast/doesn't have breakfast with his family. 2. The younger children help/don't help their older sister. 3. They have dinner at a restaurant/at home . 4. The parents often/always go to bed after the older children go to bed.

Anh Văn 6 – TUẦN 8 (25/10/2021 đến 29/10/2021)

Hoạt động 1: Đọc Unit 2 và thực hiện các yêu cầu

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Nội dung 1: Từ vựng & nghe (Trang 28)	1/ celebrate (v): tổ chức 2/ costume (n): trang phục 3/ wear (v): mặc 4/ visit (v): thăm 5/ invite (v): mời 6/ Lunar New Year (n): Tết Nguyên Đán
Nội dung 2: Kỹ năng nói (Trang 30)	<u>Making plan and suggestions</u> (Lập kế hoạch & đề xuất) What's on? (Có chương trình gì?) What do you want to do/see ...? I'm not really interested in (the) ... I like the sound of (the) ... (Tôi thích âm thanh của..) What about (the) ...? (Còn ... thì sao?) Let's go to (the) ... (Hãy đi đến ...)

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học

NỘI DUNG	HỌC SINH TRẢ LỜI	Câu hỏi học sinh
Nội dung 1: Từ vựng & nghe (Trang 28)	Bài tập 4: Nghe lại bài nghe ở bài tập 3 và viết đúng hoặc sai cho các câu dưới đây 1. People give money as a present at Lunar New Year. 2. People eat a lot before Lunar New Year. 3. People eat lots of meat at Lunar New Year. 4. The grandmother invites all the family to the big meal. 5. The lion only stops at some restaurants. Answer (Đáp án): 1. True, 2. False, 3. False, 4. True, 5. False	
Nội dung 2: Kỹ năng nói (Trang 30)	Bài tập 4: Em hãy điền các từ thích hợp vào chỗ trống. Sử dụng các ý tưởng từ chương trình Family Fun Day ở bài 1: A. It's Family Fun Day at the school on Saturday. What do <u>you want to do</u> ? B. I like the <u>family sports</u> . A. Right, and what about the <u>costume competition</u> ? B. Ok. Let's go to the <u>costume competition and the mini zoo</u> .	